

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Ông Trần Đình Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị T và anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng tại xã L. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, quan điểm trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc và vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, hiện nay chị và anh T đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

2. Về con chung:

Chị T trình bày chị và anh T có 02 con chung tên là Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 và Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Lê Quang Huy và đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi con chung Lê Hoàng Anh, về cấp dưỡng nuôi con chung, chị trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị T trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ án và đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh ngày 18/3/2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng và ngày 23/3/2021 Công an xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị Đỗ Thị T và Anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/5/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay anh T và chị T sống ly thân, anh T vẫn đang sinh sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ của mình tại địa phương xã L còn chị T do mâu thuẫn vợ chồng chị đã ra ngoài thuê ở trọ và không còn chung sống cùng với anh T nữa. Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết.

Về con chung: Chị T và anh T có hai con chung tên là Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 và Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014, chị T và anh T đều có điều kiện nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng: Địa phương không nắm được và đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Lê Văn T; về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014 và giao anh Lê Văn T trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là Chị Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Lê Văn T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 07/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên có xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hòa giải nhưng không thành dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Cho nên mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn,

căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị T và anh T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung tên là Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 và Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014. Khi ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014 và đồng ý giao con chung tên là Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 cho anh T nuôi. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung. Xét thấy, chị T và anh T đều có khả năng, điều kiện nuôi con chung. Con chung Lê Hoàng Anh có nguyện vọng được ở với anh T khi vợ chồng ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Lê Quang Huy cho chị T trực tiếp nuôi và giao con chung tên là Lê Hoàng Anh cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm trình bày gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Quang Huy sinh ngày 21/12/2014 và giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hoàng Anh sinh ngày 10/5/2012 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Lê Văn T không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Lê Văn T không có trình bày quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015758 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, T,
(Giấy CNKH số 45 ngày 07/5/2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân